

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung  
trong lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi  
chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Quyết định số 2591/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết 02 thủ tục hành chính trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 853/TTr-SNNMT ngày 17 tháng 6 năm 2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 2591/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 2.** Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**Điều 3.** Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình phê duyệt quy trình nội bộ, thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật, tích hợp việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với các thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Lưu: VT, NNMT, PVHCC<sup>(KSTT)</sup>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

**DANH MỤC 02 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Quyết định số:           /QĐ-UBND ngày     tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
<b>Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</b>										
1	Chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch  <b>2.002338</b>	05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia. <i>Trường hợp nộp qua môi trường điện tử: Thành</i>	Tiếp nhận và trả kết quả	Toàn trình	- Trình tự thực hiện; - Cấp thẩm quyền quyết định; - Căn cứ pháp lý	-	- Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 04/9/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 11/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ. - Điều 17 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ. - Mục B.I Phụ lục XIII ban hành kèm theo	-	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
			<i>phần hồ sơ phải được kê khai và ký chữ ký số trên các biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 9 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.</i>					Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 2561/QĐ-UBND ngày 16/6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về ủy quyền.		
2	Chứng nhận lại chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch	03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính	Tiếp nhận và trả kết quả	Toàn trình	- Trình tự thực hiện; - Cấp thẩm quyền quyết định;	-	- Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 04/9/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 11/2022/NĐ-CP ngày	-	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
	2.002339		<p>công xã, phường.</p> <p>- Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.</p> <p><i>Trường hợp nộp qua môi trường điện tử: Thành phần hồ sơ phải được kê khai và ký chữ ký số trên các biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 9 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ</i></p>			- Căn cứ pháp lý		<p>15/01/2022 của Chính phủ.</p> <p>- Điều 17 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ.</p> <p>- Mục B.II Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</p> <p>- Quyết định số 2561/QĐ-UBND ngày 16/6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về ủy quyền.</p>		

